

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KHCN đưa vào tuyển chọn và giao trực tiếp thực hiện từ năm 2018 thuộc Chương trình Công nghệ sinh học Nông nghiệp - Thủy sản (đợt 2)**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-TTg ngày 12/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020";

Căn cứ Quyết định số 97/2007/QĐ-TTg ngày 29/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản đến năm 2020";

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đưa vào tuyển chọn và giao trực tiếp bắt đầu thực hiện từ năm 2018 thuộc "Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020" và "Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản đến năm 2020" (*chi tiết các phụ lục đính kèm*).

**Điều 2.** Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ KHCN căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước để xây dựng đề cương, thuyết minh tổng thể nhiệm vụ KHCN theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng đơn vị có liên quan, Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN (ĐHL 30b)



**Lê Quốc Doanh**



Phụ lục

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐƯA VÀO TUYỂN CHỌN VÀ GIAO TRỰC TIẾP THỰC HIỆN TỪ NĂM 2018 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC NÔNG NGHIỆP THỦY SẢN (ĐỢT 2)**

(Kèm theo Quyết định số 349/QĐ-BNN-KHCN ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Mục tiêu	Kết quả, sản phẩm dự kiến đạt được	Phương thức thực hiện
<b>I.</b>	<b>CÔNG NGHỆ SINH HỌC NÔNG NGHIỆP</b>			
1.	Nghiên cứu sản xuất, ứng dụng chế phẩm <i>Bacillus</i> trong nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi	Xây dựng quy trình công nghệ và sản xuất được chế phẩm <i>Bacillus</i> đủ điều kiện thương mại ứng dụng trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ chủng giống <i>Bacillus</i> (2 chủng cho thủy sản, 2 chủng cho chăn nuôi) đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn và có đặc tính probiotic cho chăn nuôi theo quy định.</li> <li>- Quy trình sản xuất chế phẩm <i>Bacillus</i> sử dụng cho thủy sản, quy mô 100 kg/mẻ, được chuyển giao cho doanh nghiệp.</li> <li>- Quy trình sản xuất chế phẩm <i>Bacillus</i> sử dụng cho chăn nuôi, quy mô 100 kg/mẻ, được chuyển giao cho doanh nghiệp.</li> <li>- Quy trình ứng dụng chế phẩm <i>Bacillus</i> sử dụng cho thủy sản.</li> <li>- Quy trình ứng dụng chế phẩm <i>Bacillus</i> sử dụng cho chăn nuôi.</li> <li>- 1.000 kg chế phẩm <i>Bacillus</i> sử dụng cho thủy sản, mật độ <math>\geq 10^8</math> CFU/g, thời hạn bảo quản <math>\geq 12</math> tháng tại nhiệt độ thường, nước nuôi trồng đảm bảo tiêu chuẩn, năng suất tăng <math>\geq 15\%</math>.</li> <li>- 1.000 kg chế phẩm <i>Bacillus</i> sử dụng cho chăn nuôi, mật độ <math>\geq 10^8</math> CFU/g, thời hạn bảo quản <math>\geq 12</math> tháng tại nhiệt độ thường, tỷ lệ tăng trọng <math>\geq 15\%</math>.</li> <li>- 02 mô hình ứng dụng chế phẩm <i>Bacillus</i> cho thủy sản, quy mô 0,5 ha/mô hình, thực hiện tại doanh nghiệp</li> <li>- 02 mô hình ứng dụng chế phẩm <i>Bacillus</i> cho chăn nuôi, quy mô 2.000 gà và 500 lợn, thực hiện tại doanh nghiệp</li> <li>- 02 bộ hồ sơ chế phẩm đủ điều kiện để đăng ký thương mại.</li> </ul>	Tuyển chọn
2.	Ứng dụng chỉ thị phân tử để chọn giống keo lai kháng bệnh chết heo do nấm kháng bệnh chết heo do nấm <i>Ceratocystis manginecans</i> .	Chọn được các dòng keo lai kháng bệnh chết heo do nấm <i>Ceratocystis manginecans</i> gây ra bằng chỉ thị phân tử	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3-5 dòng keo lai có triển vọng mang tính trạng kháng bệnh chết heo, sinh trưởng tương đương với các giống đã được công nhận.</li> <li>- Bộ chỉ thị phân tử SNP liên quan đến tính trạng kháng bệnh chết heo.</li> <li>- 03 mô hình khảo nghiệm trên 3 vùng sinh thái, quy mô 2 ha/mô hình, cây có tỷ lệ sống trên 90% ở năm thử nhất.</li> <li>- Quy trình chọn giống keo lai kháng bệnh chết heo do nấm <i>Ceratocystis manginecans</i> bằng chỉ thị phân tử</li> </ul>	Tuyển chọn
3.	Dự án SXTN: Hoàn thiện công nghệ sản xuất KIT chẩn đoán	Hoàn thiện công nghệ, thiết bị, sản xuất và thương mại hóa KIT chẩn đoán	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nghệ và thiết bị sản xuất KIT dạng màng chân đoán nhanh virus gây bệnh lùn sọc đen phương Nam trên rây và lúa, quy mô <math>\geq 10.000</math> test thử.</li> <li>- Sản xuất được <math>\geq 200.000</math> test thử đủ điều kiện được áp dụng, độ chính xác <math>\geq 90\%</math> so với PCR.</li> </ul>	Tuyển chọn



TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Mục tiêu	Kết quả, sản phẩm dự kiến đạt được	Phương thức thực hiện
4.	DASXTN: Hoàn thiện công nghệ vi nhân giống quy mô công nghiệp và sản xuất các giống Keo lá tràm CIt18, CIt26, CIt43, CIt57 và CIt98.	nhanh, chính xác virus gây bệnh lùn sọc đen phương Nam trên rẫy và lúa. - Hoàn thiện được quy trình vi nhân giống quy mô công nghiệp cho các giống Keo lá tràm CIt18, CIt26, CIt43, CIt57 và CIt98. - Chuyển giao giống gốc và quy trình vi nhân giống các giống Keo lá tràm cho một số đơn vị.	- Đào tạo 30 cán bộ kỹ thuật sản xuất sản phẩm - Tập huấn 180 cán bộ kỹ thuật sử dụng KIT chẩn đoán bệnh. - Hoàn thiện, quảng bá và thương mại sản phẩm. - Ít nhất 02 giống Keo lá tràm có triển vọng để công nhận giống quốc gia. - Quy trình vi nhân giống quy mô công nghiệp được công nhận TBKT cho 5 giống Keo lá tràm CIt18, CIt26, CIt43, CIt57 và CIt98. - 5 triệu cây giống (1 triệu cây/giống) bằng công nghệ vi nhân giống. - 03 lớp chuyển giao giống gốc và quy trình vi nhân giống ở quy mô CN. - Mô hình rừng trồng các giống mới đạt năng suất từ 20 - 25 m <sup>3</sup> /ha/năm trở lên (tính đến cuối luân kỳ kinh doanh) tại Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ, quy mô 15-20 ha/vùng.	Tuyển chọn
<b>II. CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỦY SẢN</b>				
5.	Nghiên cứu công nghệ sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ bùn ao nuôi cá tra	Có được quy trình công nghệ sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ bùn ao nuôi cá tra	- Bộ chủng giống vi sinh vật hữu hiệu để sản xuất phân hữu cơ từ bùn ao nuôi cá tra; - Quy trình sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ bùn ao nuôi cá tra, qui mô 10 tấn/mé; - 50 tấn sản phẩm phân bón hữu cơ vi sinh sản xuất từ bùn ao nuôi cá tra đạt tiêu chuẩn lưu hành.	Tuyển chọn
6.	Ứng dụng công nghệ sinh học chọn giống cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) kháng bệnh gan thận mù	Chọn tạo được đàn cá tra bố mẹ kháng bệnh gan thận mù	- Xác định được bộ chỉ thị phân tử liên kết với tính trạng kháng bệnh gan thận mù; - Cá tra bố mẹ chọn giống kháng bệnh gan thận mù thế hệ G <sub>1</sub> , G <sub>2</sub> : hiệu quả chọn giống về kháng bệnh tăng 7 - 10% /thế hệ; đảm bảo duy trì sinh trưởng dương (+) so với quần đàn chọn giống ban đầu (G <sub>0</sub> ); 200 cặp cá bố mẹ chọn giống/thế hệ. - Sản xuất và phát tán được >50.000 con cá bố mẹ hậu bị (>2 kg/con) chọn giống kháng bệnh gan thận mù. - Cá tra chọn giống kháng bệnh gan thận mù được công nhận giống mới.	Tuyển chọn
7.	Dự án SXTN: Hoàn thiện chọn giống và sản xuất tôm càng xanh toàn đực bằng công nghệ RNAi	Tạo được đàn tôm càng xanh toàn đực có tốc độ tăng trưởng nhanh.	- Quần đàn tôm càng xanh chọn giống thế hệ từ 11-12: tăng trưởng nhanh hơn 5-7% /thế hệ, qui mô mỗi thế hệ: 75 gia đình, 1.000 tôm hậu bị. - Quy trình công nghệ sản xuất tôm càng xanh cái già được hoàn thiện, đạt các chỉ tiêu: + Tỷ lệ thành thực: ≥85% + Sức sinh sản: > 25000 zoae/con. - 30.000 tôm cái già (cỡ 20g/con) bằng công nghệ RNAi trên đàn tôm chọn giống đến thế	Giao trực tiếp: Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản II

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Mục tiêu	Kết quả, sản phẩm dự kiến đạt được	Phương thức thực hiện
8.	Dự án SXTN: Sản xuất thử nghiệm bột nếm dinh dưỡng từ dịch thủy phân moi và cá nục	Hoàn thiện công nghệ, thiết bị để sản xuất và thương mại hóa sản phẩm bột nếm dinh dưỡng từ dịch đạm thủy phân moi và cá nục	<p>hệ 10-11. Tôm được phát tán tới các trại giống.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tôm càng xanh cái già chọn giống được công nhận giống mới.</li> <li>- 100 triệu hậu ấu trùng tôm càng xanh toàn đực (PL 12, tỷ lệ đực <math>\geq 95\%</math>) từ cái già tạo ra bằng công nghệ RNAi.</li> <li>- Quy trình công nghệ, thiết bị để sản xuất bột nếm dinh dưỡng từ moi và cá nục quy mô 2000 kg/mẻ;</li> <li>- 20 tấn bột nếm dinh dưỡng, hàm lượng protein tối thiểu 20%, sản phẩm đạt các chỉ tiêu chất lượng; ATP; bao bì sản phẩm theo quy định).</li> </ul>	<p>Giao trực tiếp: Viện Nghiên cứu Hải sản</p>